

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2022

V/v “Ly hôn, trả chấp về
nuôi con chung”

**NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Tuấn Đạt** và ông **Lê Đình Khôi**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hữu Huỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn, trả chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc H**, sinh năm 1985

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, Ấp 3, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở: Khu phố Long Đức, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 5, Ấp 3, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

(Chị H, Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2021, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H trình bày:

Về quá hệ hôn nhân: Chị H và Anh Nguyễn Thanh T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng đầm ấm, H phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Ah T ghen tuông vô cớ nên thường hay chửi, xúc phạm và đánh đập chị, bản thân chị H đã cho Ah T nhiều cơ hội để sửa chữa bản thân nhưng Ah T không thay đổi. Từ năm 2020 cho đến nay chị và Ah T đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không ai quA tâm đến ai, nay tình cảm vợ chồng không còn Ah yêu cầu được ly hôn với Ah Nguyễn ThAh T.

Về con chung: Vợ chồng có 04 (bốn) con chung là Nguyễn ThAh Ph, sinh ngày 18-01-2004, Nguyễn ThAh L, sinh ngày 22-9-2005; Nguyễn ThAh B, sinh ngày 03-02-2008; Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 03-9-2011. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao các cháu L, B, A cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Ph đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị H, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn Ah Nguyễn ThAh T trình bày.

Về quA hệ hôn nhân: Ah T thừa nhận, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2004 và được Ủy b A nhân dân xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng Ah H phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quA điểm, tính cách không hợp nhau nên hay cãi vã nhau, trong lúc nóng giận Ah có dùng tay tát chị H, nhưng việc này không để lại thương tích gì. Ah và chị H đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Chị H yêu cầu ly hôn thì Ah đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn ThAh Ph, sinh ngày 18-01-2004, Nguyễn ThAh L, sinh ngày 22-9-2005; Nguyễn ThAh B, sinh ngày 03-02-2008; Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 03-9-2011. Khi ly hôn Ah có nguyện được nuôi dưỡng các cháu L B, A, do các con đều có nguyện vọng muốn sống cùng với Ah, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Đối với cháu Ph đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của các con chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai;

Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đơn đề nghị không hòa giải. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Lời khai bị đơn; Biên bản ghi nhận ý kiến của các cháu Nguyễn ThAh L; Nguyễn ThAh B; Nguyễn Thị Thúy A.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị H ly hôn với Ah Nguyễn ThAh T; về con chung: Đề nghị giao ba cháu L, B, A cho Ah T nuôi dưỡng, tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do Ah T không yêu cầu. Đối với cháu Ph đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Dành quyền khởi kiện của các bên khi phát sinh trAh chấp.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ah Nguyễn ThAh T, trAh chấp về nuôi con chung là Nguyễn ThAh L, sinh ngày 22-9-2005; Nguyễn ThAh B, sinh ngày 03-02-2008; Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 03-9-2011. Vì vậy, qua hệ pháp luật trAh chấp cần giải quyết được xác định là “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn Ah Nguyễn ThAh T có nơi cư trú tại: Ấp 3, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng H, bị đơn Ah Nguyễn ThAh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về qua hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H, Ah T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lập, huyện Tân Phú vào ngày 20/02/2004, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của chị H, Ah T đầm ấm, H phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng qua điểm,

không có tiếng nói chung, không thông cảm và chia sẻ cho nhau những vấn đề trong cuộc sống. Từ năm 2021 đến nay, chị H và Ah T đã không còn sống chung, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[5] Lời khai của nguyên đơn về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng một phần được bị đơn thừa nhận, phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng Ah chị hiện đã không còn sống chung với nhau, chị H yêu cầu ly hôn Ah T cũng đồng ý ly hôn. Do các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không hòa giải mà tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[6] Từ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập được nhận thấy chị H, Ah T trong quá trình sống chung đã không tôn trọng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của chị H đối với Ah T là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, Ah T có 04 con chung là Nguyễn ThAh Ph, sinh ngày 18-01-2004, Nguyễn ThAh L, sinh ngày 22-9-2005; Nguyễn ThAh B, sinh ngày 03-02-2008; Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 03-9-2011.

[8] Xét thấy từ khi vợ chồng Ah T, chị H không còn sống chung thì các cháu L, B, A do Ah T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; các cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với Ah T. Để không xáo trộn đời sống của các cháu, do đó giao các cháu L, B, A cho Ah T trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng do Ah T không có yêu cầu.

Đối với cháu Nguyễn ThAh Ph, sinh ngày 18-01-2004 đã thành niên có khả năng lao động nuôi sống bản thân chị H Ah T không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[9] Về tài sản chung: Chị H, Ah T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Ah T, chị H khai không có, nên không xem xét.

[10] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 85, 91, 92, 93 luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H về việc “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con chung” đối với Ah Nguyễn ThAh T.

1. Về quA hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc H được ly hôn Ah Nguyễn ThAh T.

2. Về nuôi con chung: Giao 03 (ba) con chung là Nguyễn ThAh L, sinh ngày 22-9-2005; Nguyễn ThAh B, sinh ngày 03-02-2008; Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 03-9-2011 cho Ah T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do Ah T không yêu cầu.

Đối với cháu Nguyễn ThAh Ph, sinh ngày 18-01-2004 đã thành niên có khả năng lao động nuôi sống bản thân chị H, Ah T không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H, Ah T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung, chị H, Ah T khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002118 ngày 15/11/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, Ah T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Lập (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK ngày 20/02/2004)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA